

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 29/4/2025.
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Chiêu
Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phước Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2025/QĐST – HNGĐ 11/4/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Vắng mặt*

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1989, ông B và bà Đ có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng ông B, bà Đ chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và ông B, bà Đ đã ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông B yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị Đ.

Về con chung: Ông B xác định giữa ông và bà Đ có 03 người con chung tên Phạm Văn L, sinh năm 1990, Phạm Thị H, sinh năm 1992 và Phạm Văn T, sinh năm 2005. Hiện tại các con của ông đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định giữa ông và bà Đ không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông B không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Mai Thị Đ không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án dù Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với bà Đ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn B và bà Mai Thị Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn B xác định các con của ông đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn B xác định giữa ông và bà Đ không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Do ông Phạm Văn B có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do là người cao tuổi nên ông B được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Mai Thị Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Mai Thị Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn ông Phạm Văn B tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông B. Bị đơn bà Mai Thị Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Đ.

[4] Về yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông B thừa nhận vào năm 1989 có tổ chức đám cưới với bà Mai Thị Đ trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay ông, bà chưa có đăng ký kết hôn. Nay phát sinh mâu thuẫn, ông B yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị Đ. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Phạm Văn B và bà Mai Thị Đ là vợ chồng.

[5] Về con chung: Ông Phạm Văn B xác định các con của ông bà đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn B xác định giữa ông và bà Đ không có nên không yêu cầu do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do ông Phạm Văn B có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do là người cao tuổi nên ông B được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

[8] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn B và bà Mai Thị Đ là vợ chồng.

2/ Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn B được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Kim Phương